

Bản án số: 451/2026/HNGĐ-ST
Ngày 26 – 8 – 2026
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đào Việt Khái.
- Bà Nguyễn Kim Huệ.

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Vũ Phong – Là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau.

Ngày 26 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 844/2026/TLST - HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2026 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 799/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh ngày 21/02/1979; Căn cước số 096179013247, cấp ngày 14/3/2025, nơi cấp: Bộ Công an; Địa chỉ: Ấp Gò C, xã Cái Đôi V, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Đoàn Thanh D, sinh năm 1979; Căn cước số 096079008511, cấp ngày 06/3/2025, nơi cấp: Bộ Công an; Địa chỉ: Ấp Gò C, xã Cái Đôi V, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị B và anh Đoàn Thanh D khai tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng Đ, huyện Cái N, tỉnh Cà Mau nay là Ủy ban nhân dân xã Hưng M, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng đến thời gian gần đây, giữa anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải, hàn gắn được. Nay cả anh, chị đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh, chị ly hôn.

Về con chung là Đoàn Thị Huỳnh Trân, sinh ngày 14/7/2001. Hiện con đã trưởng thành, lập gia đình và có cuộc sống riêng, tự nuôi sống bản thân được nên khi ly hôn, anh chị không đặt ra yêu cầu gì về con.

Về tài sản chung, chị Nguyễn Thị B và anh Đoàn Thanh D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, chị Nguyễn Thị B và anh Đoàn Thanh D khai không có.

Đồng thời, do bận công việc gia đình nên chị Nguyễn Thị B và anh Đoàn Thanh D xin vắng mặt trong các phiên làm việc, hòa giải, xét xử cho đến khi kết thúc vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, các đương sự đã có lời khai và có yêu cầu xin xét xử vắng mặt với lý do bận công việc gia đình nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự chấp nhận yêu cầu xin vắng mặt và tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về hôn nhân, nguyên đơn và bị đơn khai nhận chung sống với nhau từ năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng Đ, huyện Cái N, tỉnh Cà Mau nay là Ủy ban nhân dân xã Hưng M, tỉnh Cà Mau vào ngày 08/3/2001. Tuy nhiên, tại giấy xác nhận số 198/2026/UBND-XNTTHN ngày 10/8/2026 của Ủy ban nhân dân xã Hưng M xác nhận các đương sự không có đăng ký kết hôn. Vì vậy, căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì việc các đương sự chung sống với nhau đến nay, tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng không được đăng ký theo quy định là không có giá trị pháp lý. Hơn nữa, xét mâu thuẫn thực tế được các đương sự thừa nhận là có thật và cũng chính từ mâu thuẫn nêu trên, các đương sự không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nên cùng yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là có căn cứ nhưng do quan hệ hôn nhân giữa có vi phạm về mặt hình thức nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

[2] Về con chung là Đoàn Thị Huỳnh Trân, sinh ngày 14/7/2001. Hiện con đã trưởng thành, lập gia đình và có cuộc sống riêng, tự nuôi sống bản thân được nên khi ly hôn, các đương sự không đặt ra yêu cầu gì về con. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung, các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ chung, các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, nguyên đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân, không công nhận vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị B và anh Đoàn Thanh D.

- Về con chung là Đoàn Thị Huỳnh Trân, sinh ngày 14/7/2001. Hiện cháu Trân đã trưởng thành, tự nuôi sống bản thân được nên không xem xét.

- Về tài sản chung, chị Nguyễn Thị B và anh Đoàn Thanh D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung, chị Nguyễn Thị B và anh Đoàn Thanh D khai không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, chị Nguyễn Thị B phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 30/7/2026, chị B đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0001419 được đổi trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 8, 9 và 11 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 33 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Lâm Hoài Ân